Vài ý kiến về nhạc lễ Cao Đài ở Tòa Thánh Tây Ninh

ĐÀO HUY QUYỀN(*)

Đạo Cao Đài ở Tây Ninh được thành lập năm 1926, cùng với thời kì cải lương Nam Bộ Việt Nam. Chữ "Cao Đài" được đạo Cao Đài giải thích đó là tá danh của Thượng Đế, là tên gọi của tôn giáo do Thượng Đế khai lập. Lí thuyết cơ bản của đạo Cao Đài là hòa hợp tư tưởng Đông - Tây, qua hình thức quy Tam giáo (Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo) và Hiệp ngũ chi là thống nhất năm ngành đạo (Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, Nhân đạo). Họ cho rằng, sự "thống nhất", "tổng hợp" các tôn giáo lớn trên thế giới để: "Truy tầm nguyên ủy những điều cao thâm tinh khiết" là một tôn giáo chung cho toàn thế giới trên cơ sở hợp nhất các tôn giáo có từ trước, nên phải là "Đại đạo" (đạo lớn). Chính màu cờ và sắc phục của đạo Cao Đài cũng đã biểu hiện tiêu chí này. Đó là ba màu tượng trưng: đỏ, vàng và lam:

- Màu đỏ biểu hiện cho sự tin cậy, uy tín, thuộc Nho giáo.

- Màu vàng: biểu hiện cho đức hạnh, thuộc Phật giáo.

- Màu lam: biệu hiện cho sự bao dung, thuộc Đạo giáo.

Giáo lí đạo Cao Đài không phải là một hệ thống quan niệm về thế giới và con người như những tôn giáo khác. Nó bao gồm những khái niệm về "tam giáo", "ngũ chi". Theo quan niệm của đạo Cao Đài, con người có phần xác và phần hồn; con người sau khi chết linh hồn còn tồn tại, nếu có công đức sẽ được về sống sung sướng nơi Bạch Ngọc Kinh (Thiên Đường), nếu có tội thì sẽ vướng mãi trong vòng sinh tử luân hồi. Đạo Cao Đài khuyên mọi người "xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, tu hành diệt dục để được phổ độ". Họ còn cho rằng: con người sinh ra từ vũ trụ. Con người là một tiểu vũ trụ, chịu sự chi phối trong vòng vũ trụ. Các tiểu vũ trụ này tồn tại trong sự vận động của trời đất (âm dương) và nó được vĩnh hằng khi đạt đến được sự hoàn thiện, để rồi "hoàn nguyên vũ trụ". Một trong những yếu tố để biệu hiện cái tư tưởng ấy là âm nhạc trong nhạc lễ Cao Đài.

Phần lễ là phần vô cùng quan trọng không thể thiếu trong suốt quá trình hoạt động ở Tòa Thánh. Trong Thánh Ngôn viết: "Lễ tiết chế cái tình, cấm sự loạn sinh ra cũng như bờ đê giữ nước khỏi tràn. Và nếu nói rằng: đê cũ không dùng chi mà phá nó đi thì sẽ bị nước tràn ngập. Nói lễ cũ không dùng chi mà bỏ nó đi thì ắt có rối loạn".

---

*. ThS., Viện KHXH vùng Nam Bộ.

Nếu lễ có cái chủ đích cao siêu như thế thì âm nhạc trong lễ càng được coi trọng. Nếu bỏ nó đi thì lấy gì để nén dục vọng xấu xa nữa. Vì thế mà Tiên vương chế ra lễ nhạc là để tiết chế cái tình của người. Do đó, nếu thiếu lễ nhạc thì xã hội không điều hòa mà vũ trụ cũng chưa hoàn hảo. Như vậy, lễ làm cho trời đất trật tự, còn nhạc làm cho trời đất điều hòa. Song, lễ nhạc phải luôn hòa hợp nhau, cái nọ chế cái kia thì mới hoàn toàn được.

Về phương diện đạo đức, lễ nhạc có ý nghĩa hết sức sâu xa: "Nhạc là động ở bên trong, lễ là động ở ngoài. Cái cùng cực của nhạc là hòa, cái cùng cực của lễ là thuận". Mặc dù lễ nhạc có vai trò quan trọng như vậy, nhưng phải thực hiện sao cho đúng tôn chỉ của lễ là kính, nhạc là hòa. Nếu lễ nhạc mà không kính cũng không hòa thì dùng nó chẳng ích lợi gì.

Chính vì thế mà trong các buổi cúng, lễ tại Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh, nhạc chiếm một vị trí hết sức quan trọng, đã làm cho buổi lễ tất trang nghiêm.

Dàn nhạc phục vụ cho các lễ của Cao Đài thường được để sẵn trên Nghinh Phong đài. Đến giờ vào lễ các nhạc công sử dụng loại nào thì đến vị trí đó. Tất cả do một vị chức sắc trong bộ nhạc đứng ở giảng đài nữ phái điều khiển. Dàn nhạc có từ 5 người trở nên (có lúc 5, có lúc 8, 9 người) ngồi xung quanh một chiếc bàn tròn lớn và được chia làm hai nhóm văn ban và võ ban.

* Nhóm văn ban: gồm có các nhạc khí: đàn cò, đàn tranh, đàn kìm, đàn tam, đàn độc huyền, đàn sến, đàn gáo, sáo tiêu, ghita (lục huyền cần). Tuy vậy đàn cò (nhị) luôn giữ vai trò quan trọng trong nhóm văn ban, là loại nhạc khí không thể thiếu được. Còn các loại sau nếu thiếu một cái nào đó, cũng không quan trọng.

* Nhóm võ ban: gồm các loại trống, kèn. Đó là trống chiến, trống nhạc, trống cái, nhịp sanh, kèn thau, kèn chàng, kè mộc, chập chõa (bạc xà), đồng la (đồ dương), tum, bạc…

Song chỉ những lễ lớn mới dùng đủ loại trong nhóm võ ban. Các lễ bình thường chỉ dùng dàn nhạc nhỏ khoảng 5, 6 người.

(Tất cả các nhạc khí trên đều rất quen thuộc và có mặt trong đời sống của người Việt vùng Nam Bộ, nên chúng tôi không mô tả chi tiết từng loại trong bài viết ngắn này).

Nhìn vào dàn nhạc vừa kể trên, chúng ta thấy đạo Cao Đài Tây Ninh đã sử dụng dàn nhạc bát âm, gồm các nhạc khí dân tộc của người Việt ở đồng bằng. Dàn nhạc có đủ các nhóm, các họ như dây gẩy, kéo vĩ, gõ, thổi hơi… Người ta lại sắp xếp, biên chế các nhạc khí trên sao cho mỗi chiếc giữ chức năng của một bè. Ví dụ đàn cò giữ nhiệm vụ bè xôpranô của phần giai điệu, đàn gáo (cò bass) giữ nhiệm vụ bè bass, đàn kìm, đàn tam giữ nhiệm vụ bè Alto. Sáo có màu âm trong sáng giữ chức năng bè giai điệu, làm cho giai điệu mềm mại, bay xa hơn. Trống có chức năng giữ nhịp, tạo ra nhịp điệu chắc khỏe, đĩnh đạc, đàng hoàng. Tất cả những màu sắc âm thanh ấy tạo ra một phong vị âm nhạc dân tộc Nam bộ Việt Nam rõ nét.

Đây là dàn nhạc lễ trong lúc tiến hành các lễ thường ngày. Mỗi ngày có 4 lễ vào lúc 6 giờ, 12 giờ, 14 giờ và 24 giờ. Khi có những lễ lớn dàn nhạc này bắt buộc phải dùng các loại trống và một số nhạc khí hơi thuộc các nhóm võ ban.

Mở đầu cho các buổi lễ trước khi đọc kinh là phần hòa tấu nhạc. Sau đó là dàn đồng ca. Mỗi bản nhạc đưa vào phục vụ cho việc đọc kinh đều mang ý nghĩa quan trọng. Khi các bản nhạc được thể hiện thành một chuỗi xuyên suốt cả buổi lễ, chúng ta thấy âm nhạc ở đây được quy tụ, tạo ra một mô hình xoay quanh "dịch lí".

Âm nhạc phục vụ trong các buổi lễ gồm các bản sau:

- 7 bản Bắc gồm: Xàng xê, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long đăng, Long ngân, Vạn giá, Tiểu khúc. Bảy bản này có nghĩa thuộc âm dương, tượng trưng cho sự sinh hóa của vũ trụ. Trời đất và sự sinh hóa đều quy tụ ở 7 bản nói trên.

Bản 1: Xàng xê: tượng trưng cho lí thái cực, hỗn độn, sơ khai.

Bản 2: Ngũ đối thượng: 5 tầng thượng lên trên cao, là khí thanh, tức dương.

Bản 3: Ngũ đối hạ: 5 tầng hạ xuống (ngũ hành) được hạ xuống làm đất, tức âm.

Bản 4: Long đăng: rồng lên, tức dương.

Bản 5: Long ngân: rồng xuống, tức âm (sự sống bắt đầu).

Bản 6: Vạn giá: muôn việc đã định, muôn loài đều có tên.

Bản 7: Tiểu khúc: mọi sự đều có kích thước, trọng lượng, luật định.

Sau bảy bản Bắc đến ba bản Nam gồm:

- Nam ai: biểu hiện cho đất, âm.

- Nam xuân: biểu hiện cho trời, dương.

- Nam đảo: biểu hiện cho sự hoàn nguyên, không âm, không dương.

Ba bản Nam nói trên dùng với ý nghĩa Thái cực - Lưỡng nghi. Ngoài ra còn có thêm bản Xuân nữ biểu hiện cho mầm sinh, sự sống.

Nói chung, những bản nhạc được dùng trong lễ nhạc Cao Đài ở Tây Ninh có đặc điểm nghệ thuật chuyển lời thơ thành bài kinh tụng theo bản ngữ dân gian Nam Bộ. Dựa vào những phát âm tự nhiên trong dân gian Nam Bộ để chuyển thành nét nhạc tụng phù hợp làm cho kinh tụng được rõ lời, rõ chữ. Có những bài nghe giống như nói vè Nam Bộ, hát Đồng giao hoặc hát bài Chòi trong các thể loại ca hát dân gian. Có những bài nghe chầm chậm, phảng phất chất nhạc của "bậc tu thiền". Lối tụng kinh nói trên đã kế thừa nét nhạc tụng trong kinh Phật giáo.

Ngoài những đặc điểm trên, âm nhạc trong kinh tụng Cao Đài Tây Ninh cũng đã sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật khác nhau như: sự luyến láy, ít dùng những âm thanh cao, đa số là âm trầm và âm trung, dùng âm đệm, âm rung, âm nhấn, …Về âm hình tiết tấu thường là nhịp 4/4 hoặc 2/4. Các thể loại văn vần cũng được sử dụng khá chặt chẽ như: song thất lục bát, thể 4 chữ và thể 4 chữ biến thể, lục bát, văn xuôi, thất ngôn tứ tuyệt.

Nhạc lễ Cao Đài Tây Ninh lưu giữ được truyền thống âm nhạc dân tộc Nam Bộ Việt Nam. Chính điều này đã gợi lên những cảm xúc gần gũi, êm dịu, chân thành đối với người hành lễ và người nghe, góp phần bảo tồn nền âm nhạc dân gian Nam Bộ trong tương lai./.